TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2026/DS-ST
Ngày: 16-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết

2. Bà Lê Thị Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 264/2026/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2026 về tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2026/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2026/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1972. Địa chỉ: 1 ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long. *Vắng mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Trường T, sinh năm 1985. Địa chỉ: 1 ấp T (nay là ấp T), xã T, tỉnh Vĩnh Long. *Có đơn xin vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long. *Vắng mặt không có lý do.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long. *Vắng mặt không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ú và người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Trường T trình bày:

Trước đây, giữa ông Nguyễn Văn U và ông Huỳnh Văn M có thỏa thuận giao

kết hợp đồng mua bán thức ăn nuôi thủy sản, hợp đồng bằng lời nói, không lập thành văn bản. Theo đó, ông Nguyễn Văn U bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thuỷ sản cho ông Huỳnh Văn M để nuôi tôm phục vụ kinh tế gia đình với vợ là bà Nguyễn Thị R. Hình thức mua bán hai bên thoả thuận là ông U bán trước sau đó đến cuối vụ nuôi tôm tổng kết nợ lại thì ông M và bà R có nghĩa vụ thanh toán nợ. Quá trình mua bán thì ông M và bà R có thanh toán công nợ cho ông U nhưng chưa thanh toán hết. Vào các ngày 25/01/2024 và ngày 27/12/2024 ông M có ký tên xác nhận công nợ với số tiền mua bán còn nợ ông U là 128.855.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Từ đó cho cho đến nay, mặc dù ông U đã nhiều lần yêu cầu ông M và vợ là bà R thanh toán nợ còn lại cho ông U nhưng ông M và bà R chỉ hứa nhưng không thực hiện, việc này đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông U.

Theo đơn khởi kiện ông U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị R có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ là 128.855.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án mức lãi suất là 0,83%/tháng. Nay ông U xin rút lại yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Ông Nguyễn Văn U yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: buộc ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị R có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Ú số tiền mua bán còn nợ là 128.855.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng), ông không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là ông Huỳnh Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị R vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà nên không có lời trình bày, không gửi văn bản nêu ý kiến và tài liệu, chứng cứ cho Toà án xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 58, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án; Điều 430, Điều 440 Bộ luật

Dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 ngày 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U; buộc ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị R có nghĩa vụ liên đới trả cho ông U số tiền là 128.855.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng), do ông U không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Về án phí, ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị R có nghĩa vụ liên đới nộp 6.443.000 đồng (đã làm tròn), hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.322.000 đồng cho ông U theo biên lai thu số 0008057 ngày 28/4/2026.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, nghe đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông U yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị R trả tiền mua bán còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Huỳnh Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị R có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 26/6/2025) vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Trường T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Trường T. Đối với bị đơn ông Huỳnh Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị R đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị R.

[3] Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn ông U yêu cầu tính lãi từ ngày Tòa án

thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án mức lãi suất là 0,83%/tháng, trong quá trình tố tụng nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện với nội dung xin rút toàn bộ yêu cầu tính lãi, xét việc xin rút lại yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất của của nguyên đơn.

[4] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn ông U yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị R có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua bán còn nợ là 128.855.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng), nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy khi khởi kiện nguyên đơn có giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là Bảng đối chiếu công nợ phải thu (tên khách hàng Hai Mẫm) trong đó có nội dung thể hiện như sau: *"số tiền còn nợ lại là 128.855.000 đồng, có chữ ký xác nhận của ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị R"* (Bút lục số 27, 28). Trong quá trình tố tụng, ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã được tống đạt đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp; đồng thời Tòa án cũng ban hành Thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ để ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị R trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trình bày ý kiến đối với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị R không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, xem như ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị R đã tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình, Hội đồng xét xử công nhận tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

[6] Như vậy, có cơ sở xác định hợp đồng mua bán tài sản giữa ông U với ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị R được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn ông Huỳnh Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị R chưa thanh toán cho ông U số tiền mua bán 128.855.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng) là vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông U. Xét yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ của bị đơn ông Huỳnh Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị R, Hội đồng xét xử nhận thấy ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị R có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Vĩnh Long theo quy định, việc mua thức ăn nuôi tôm là để phục vụ kinh tế chung của gia đình. Do đó, buộc ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị R có nghĩa vụ liên đới trả cho ông U số tiền mua bán còn nợ

128.855.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[7] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của ông U được chấp nhận nên ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị R phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Án phí được tính như sau: 128.855.000 đồng x 5% thành tiền là 6.442.750 đồng.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 227; Điều 228 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 26/6/2025).

Áp dụng Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông U đối với bị đơn ông Huỳnh Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị R đối với yêu cầu tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án mức lãi suất là 0,83%/tháng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông U đối với bị đơn ông Huỳnh Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị R. Buộc ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị R có nghĩa vụ liên đới trả cho ông U số tiền mua bán còn nợ là 128.855.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Nguyên đơn ông U không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều

357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

3.1. Ông Huỳnh Văn M và bà Nguyễn Thị R có nghĩa vụ liên đới nộp 6.442.750 đồng (sáu triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

3.2. Ông U được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.322.000 đồng (ba triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008057 ngày 28/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 - Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Tú